

Bản án số: 149/2024/LĐ-ST  
Ngày 30 - 8 - 2024  
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động; điều  
chỉnh sổ bảo hiểm xã hội”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Hồng Sơn.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Nguyễn Chí Lin,
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Võ Đông Đức - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 77/2024/TLST - LĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2024/QĐXXST - LĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST-LĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1995. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Công ty TNHH D. VINA. (Vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: PANG KA FAI.

Địa chỉ trụ sở: Lô HB1-HB2, Đường số E, Khu công nghiệp X, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An. (Xin vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số H T tránh Quốc lộ A, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

3.2. Bà Đoàn Kim C, sinh năm 1997. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Từ tháng 09/2014 đến nay, bà T vào làm công nhân tại Công ty TNHH S2. Trong quá trình làm bà T có tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm 7914238112.

Do không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà C chưa đủ tuổi có thể đi làm để lo cho gia đình nên bà T cho bà Đoàn Kim C mượn giấy chứng minh nhân dân (CMND) để bà C đi làm tại Công ty TNHH D. VINA trong thời gian từ tháng 01/2015 đến tháng 11/2015. Trong quá trình làm việc tại Công ty TNHH D, bà C có tham gia bảo hiểm với số sổ 8015003485 mang tên bà Nguyễn Thị T.

Việc bà T cho bà C mượn CMND là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH D. VINA không phải bản thân bà T. Hiện nay, đang tồn tại hai sổ sổ bảo hiểm là 7914238112 và 8015003485 cùng mang tên bà Nguyễn Thị T, nhưng thực chất sổ sổ 8015003485 do bà C thực hiện nên bà T không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm số sổ bảo hiểm: 7914238112 được. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị T (do bà Đoàn Kim C thực hiện) với Công ty TNHH D. VINA từ tháng 01/2015 đến tháng 11/2015 là vô hiệu, yêu cầu xử lý hợp đồng vô hiệu do không đúng nhân thân và không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu;

2/ Hủy sổ bảo hiểm xã hội số 8015003485 mang tên Nguyễn Thị T với quá trình tham gia tại Công ty TNHH D. VINA.

Bị đơn Công ty TNHH D. VINA vắng mặt không có văn bản trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Kim C trình bày tại bản tự khai ngày 16/5/2024: Bà C có mượn của bà Nguyễn Thị T giấy chứng minh nhân dân để làm hồ sơ đi làm tại Công ty TNHH D. VINA từ tháng 01/2015 đến tháng 11/2015. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà C đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày tại công văn số 991/BHXH-PQLT-ST về việc cung cấp thông tin, tài liệu và cử người tham gia tố tụng ngày 08/5/2024:

Bà Nguyễn Thị T tham gia bảo hiểm số sổ 8015003485 tại Công ty TNHH D. VINA địa chỉ Lô H, Đường số E, Khu công nghiệp X, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An từ tháng 01/2015 đến tháng 11/2015 và số tiền Công ty đã đóng BHXH, BHTN cho bà T là 6,458,100 đồng. Bà T chưa hưởng chế độ BHXH một lần và chưa hưởng BHTN với thời gian đóng BHXH, BHTN nêu trên.

Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký Hợp đồng lao động thì Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thực hiện theo Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1 và Thông báo số 357/TB-TA ngày 17/4/2024 của Toà án nhân tỉnh Long An, đồng thời đề nghị được vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động, điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty TNHH D. VINA có trụ sở tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thanh n khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH D. VINA là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà Đoàn Kim C và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện Công ty TNHH D. VINA cho rằng quyền lợi bị xâm phạm với lí do hợp đồng vô hiệu, do vi phạm điều cấm của luật ( Điều 123 Bộ luật Dân sự 2015). Căn cứ khoản 3 Điều 132 Bộ luật Dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện không bị hạn chế nên bà Nguyễn Thị T có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng : Chứng cứ bà Nguyễn Thị T có nộp sổ BHXH số 8015003485; Bản ghi quá trình tham gia BHXH, BHTN đối với BHXH số 8015003485 mang tên bà Nguyễn Thị T.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ

luật Tố tụng Dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật Lao động 2019 và Bộ luật Tố tụng Dân sự đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự thừa nhận đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy bà Nguyễn Thị T có cho bà Đoàn Kim C mượn chứng minh nhân dân để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2015 cho đến tháng 11/2015 tại Công ty TNHH D. VINA theo sổ BHXH số 8015003485. Trong khi đó, bà T cũng tham gia lao động tại Công ty TNHH S2 từ tháng 09/2014 cho đến nay, bà T cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo sổ số là 7914238112. Nay bà T không được hưởng tiền bảo hiểm của chính mình là sổ BHXH số 7914238112 nên có yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà T tại Công ty TNHH D. VINA từ tháng 01/2015 đến tháng 11/2015 là có căn cứ. Bởi vì đối tượng lao động thực sự lao động trong giai đoạn này tại Công ty TNHH D. VINA là bà C không phải là bà T.

Việc bà T cho bà C mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm tại Công ty TNHH D. VINA là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 do đó việc điều chỉnh thời gian đóng BHXH từ tháng 01/2015 đến tháng 11/2015 do Công ty TNHH D. VINA đóng cho bà C trên sổ sổ bảo hiểm 8015003485 có căn cứ.

Bà Đoàn Kim C và Công ty TNHH D. VINA không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm cho Công ty TNHH D. VINA, nên Công ty TNHH D. VINA không phải chịu án phí, được khấu 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000817 ngày 11/4/2024, theo quy định tại khoản 2 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án:

*Vì các lẽ trên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15, Điều 18, Điều 21 và Điều 49 Bộ luật Lao động, khoản 4 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội 2014; khoản 2 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc: “*Tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội*” với bị đơn Công ty TNHH D. VINA.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Đoàn Kim C (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên bà Nguyễn Thị T) với Công ty TNHH D. VINA từ tháng 01/2015 đến tháng 11/2015.

1.2. Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8015003485 cấp cho bà Nguyễn Thị T do Công ty TNHH D. VINA nộp từ tháng 01/2015 đến tháng 11/2015 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L thành tên bà Đoàn Kim C.

Bà Nguyễn Thị T được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập với Công ty TNHH S2 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7914238112.

Bà Đoàn Kim C được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập với Công ty TNHH D. VINA theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8015003485.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà T tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm, được khấu 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000817 ngày 11/4/20243. Bà T đã nộp đủ.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Chí L – Nguyễn Thị Rạt Trần Hồng S1**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hồng Sĩ**

